

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 10 – 6 – 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Em.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thế Tự.
2. Ông Nguyễn Văn Dương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mỹ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2021/TLST – HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phan Thanh D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D có tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống thì vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài. Nhưng từ năm 2019 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, anh D thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần anh D nhậu về là kiểm chuyện gây tranh cãi, chửi mắng chị thường xuyên và đánh chị 1 đến 2 lần, có lần đánh tại buổi hòa giải ở xã nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay. Chị M nhận thấy không

còn tình cảm với anh D và không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên chị yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung tên Phan Thị Mỹ X (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/10/1997, Phan Thị Kim V (giới tính: Nữ), sinh ngày 23/6/2005 và Phan Bảo G (nam), sinh ngày 05/9/2013. Hiện con chung đang sống với anh D. Chị M đồng ý giao con chưa thành niên Phan Thị Kim V và Phan Bảo G cho anh D nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng. Còn cháu Phan Thị Mỹ X đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Thanh D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân và con chung như chị M trình bày là đúng. Quá trình chung sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị M yêu cầu ly hôn anh cũng không biết lý do gì, chị M trình bày anh thường xuyên nhậu nhẹt về chửi vợ con là không có, anh cũng không có đánh vợ, chỉ đánh một lần tại buổi hòa giải ở xã T. Nay anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con, anh muốn hàn gắn tình nghĩa vợ chồng.

Về con chung: anh D yêu cầu được nuôi 02 đứa con chưa thành niên, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu trước đây, bị đơn anh D vắng mặt.*

*Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên xem như đã từ bỏ các quyền lợi của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị M được ly hôn với anh D. Về con chung: giao cháu Phan Thị Kim V (giới tính: Nữ), sinh ngày 23/6/2005 và Phan Bảo G (nam), sinh ngày 05/9/2013 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, con chung cho chị M, không ai được cản trở. Về án phí chị M phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* bị đơn trong vụ án là anh Phan Thanh D có địa chỉ cư trú tại huyện P, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ quy định tại các điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang.

[3] *Về xét xử trong trường hợp có đương sự vắng mặt tại phiên tòa:* anh Phan Thanh D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Phan Thanh D tiến đến hôn nhân vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi có mâu thuẫn anh chị không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài, chị M bỏ nhà ra ở riêng, hiện tại anh chị đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm nhau. Là vợ chồng, lẽ ra anh chị phải yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh chị đã không làm được điều đó. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng không thành, chị M cương quyết yêu cầu ly hôn. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng từ khi xảy ra mâu thuẫn đến nay anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị M, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn với anh D.

[5] *Về con chung:* Chị M và anh D có 03 con chung tên Phan Thị Mỹ X (giới tính: Nữ), sinh ngày 06/10/1997, Phan Thị Kim V (giới tính: Nữ), sinh ngày 23/6/2005 và Phan Bảo G (nam), sinh ngày 05/9/2013. Hiện các con chung đang sống với anh D. Tòa xét thấy: anh D có yêu cầu được quyền nuôi hai con chung chưa thành niên, còn cháu X đã thành niên không yêu cầu giải quyết, chị M cũng thống nhất giao con chung cho anh D nuôi, chị không có tranh chấp. Cháu V, cháu G đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống với cha nếu cha mẹ cháu ly hôn. Do đó, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V, cháu G cho anh D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Tuy nhiên do chưa yêu cầu, nên Tòa chưa xem xét trong cùng vụ án này.

[7] *Về tài sản chung và nợ chung:* các đương sự không ai có yêu cầu giải quyết nên Tòa chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí:* nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo mức không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Đối với phát biểu quan điểm về tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phan Thanh D.

2. Về con chung: giao các con chưa thành niên tên Phan Thị Kim V (giới tính: Nữ), sinh ngày 23/6/2005 và Phan Bảo G (giới tính: Nam), sinh ngày 05/9/2013 cho anh Phan Thanh D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị M chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007661 ngày 14/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P thành án phí.

4. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T, PH, HG.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Em**